

Bản án số: 40/2023/HSST

Ngày: 18- 04 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Lệ Dung;

- Bà Trần Thị Vân Anh.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận P, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, thành phố H tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Thúy Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 17/2023/HSST ngày 14 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 03 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. *Phạm C*; sinh năm 1995, tại: tỉnh T; Nơi đăng ký NKTT: ấp L, xã T, huyện X, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: số 10 M, phường Đ B, quận T, thành phố H; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Q, sinh năm 1966 và bà: Dương B, sinh năm 1966; vợ, con: chưa;

- *Tiền án, tiền sự:* không.

Bị bắt tạm giam ngày 16/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (Cơ sở T30) Công an thành phố H và có mặt tại phiên tòa.

2. *Nguyễn S*; sinh năm 1984, tại: N; Nơi đăng ký NKTT: thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh N; chỗ ở hiện nay: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn B, sinh năm 1957 và bà: Đặng V, sinh năm 1962; vợ, con: chưa;

- *Tiền án, tiền sự:* không.

Bị bắt tạm giam ngày 16/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (Cơ sở T30) Công an thành phố H và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Lê O, sinh năm 1989; trú tại: C09-31 chung cư P 24/14 H, phường N, quận T, thành phố H (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm H, sinh năm 1989; trú tại: thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh N (Vắng mặt).
2. Anh Lê L, sinh năm: 1978; trú tại: 1292 Đường T, phường T, quận T, thành phố H (Vắng mặt).
3. Chị Lê U, sinh năm: 1990; trú tại: 96 N, phường T A, quận T, thành phố H (Vắng mặt).
4. Anh Trần T, sinh năm: 1989; trú tại: ấp H, xã T, huyện D, tỉnh N (Vắng mặt).
5. Anh Đặng Q, sinh năm: 1989; trú tại: ấp H A, xã T, huyện D, tỉnh N (Vắng mặt).
6. Anh Trần N, sinh năm: 1996; trú tại: 119/16 L, phường T, quận S, thành phố H (Vắng mặt).
7. Chị Nguyễn M, sinh năm: 1992; trú tại: 353/2/26 P, phường P, quận O, thành phố H (Vắng mặt).
8. Chị Huỳnh N, sinh năm: 1996; trú tại: số 10 M, HT, phường Đ B, quận T, thành phố H (Vắng mặt).
9. Anh Đặng V, sinh năm 1981; trú tại: 1292 Đường T, phường T, quận T, thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn S, Phạm C là bạn bè, do không có tiền tiêu xài nên S nảy sinh ý rủ C đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đi dàn cảnh nói xe khách đi đường bị hư và giả vờ thay phụ tùng xe để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, với phương thức, mỗi người điều khiển một xe gắn máy đi trên các tuyến đường, nhắm vào các đối tượng là những người phụ nữ điều khiển xe trên đường, C sẽ nói xe của họ bị hư hỏng để họ tin tưởng, rồi C cho số điện thoại của S cho họ để điện thoại cho S, còn S sẽ tự xưng là nhân viên của hãng sửa xe rồi đem phụ tùng đến đưa C để C giả vờ thay cho họ, nhưng thực tế là không thay phụ tùng. S sẽ là người báo giá và chiếm đoạt tiền, thì C đồng ý.

Khoảng 11 giờ 10 phút, ngày 13/6/2022, Nguyễn S đi mua 02 cục chóp xi-nhan xe, S đốt 01 cục, đưa cho C để C đưa cho bị hại xem là xe bị hư hỏng, còn S giữ cục mới, để khi C gọi điện thoại cho S, S sẽ đem cục xi-nhan này giả vờ thay vào xe cho bị hại. S điều khiển xe gắn máy hiệu Jupiter, biển số XXXX-XXX.XX, Phạm C điều khiển xe gắn máy hiệu AirBlade, biển số XXX-XX.X, lưu thông trên đường C, thì thấy chị Lê O điều khiển xe gắn máy hiệu Liberty, biển số XX-XXX.XXX, lưu thông từ đường C hướng về đường Q nên C và S điều khiển xe chạy theo sau chị O. C chạy xe ngang xe chị O, C chỉ vào lốc máy xe chị O và nói xe của chị bị chập điện; đồng thời S chạy xe lên và nói xe của chị bị chập điện. Nghe vậy, chị O dừng xe lại trước số 02 C, phường T, quận P. C tiếp cận chị O và chỉ vào bộ phận ngay vị trí lốc máy xe của chị O và nói có phát ra tia lửa và giả vờ đưa tay vào bộ phận lốc máy, đồng thời C lấy ra cục xi-nhan bị cháy đã chuẩn bị sẵn từ trước đưa cho chị O xem rồi nói nếu không thay cục này thì xe sẽ bị cháy. Chị O tin tưởng rằng xe chị bị hư, nên hỏi C có biết chỗ sửa xe không, thì C đọc số điện thoại của S cho chị O gọi (lúc này S đứng cách vị trí của C và chị O khoảng 1km). Khi chị O gọi điện thoại, S nghe máy và tự xưng là nhân viên của hãng vespa và nói sẽ đem phụ tùng đến thay cho chị O. Khoảng 05 phút sau, S chạy xe đến và đem theo 01 cục xi-nhan mới đã chuẩn bị sẵn từ trước (S nói với chị O là mô-pin thay cho xe) rồi đưa cho C sửa, C giả vờ đưa cục xi-nhan vào vị trí máy xe được 02 phút thì C báo với chị O là đã thay xong. Sau đó, chị O hỏi S bao nhiêu tiền, S báo giá là 2.980.000

đồng. Chị O đưa cho S 3.000.000 đồng. Lúc này, C đứng kế bên nên thấy chị O đã đưa tiền cho S, C biết S đã chiếm đoạt xong tiền của chị O.

Sau khi nhận tiền của chị O xong, S thấy chị O dễ bị lừa nên S tiếp tục nói chị O giá là 5.980.000 đồng, chứ không phải 2.980.000 đồng. Do không đem đủ tiền, nên chị O nói cho số tài khoản của hãng xe để chị O chuyển khoản. Lúc này, S nói thu ngân hãng đã nghỉ nên không chuyển được và yêu cầu chị O thế chấp tài sản. Chị O đưa cho S 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen nhưng S nói không có giá trị và yêu cầu thế chấp tài sản khác. Sau đó, chị O lấy điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max, màu xanh, 256 GB ra để sử dụng, thì S cầm xem và chị O lấy lại, không đồng ý đưa cho S. Lúc này, S nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên (C lúc này đứng phía sau chị O), S nhanh chóng dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max của chị O đang cầm trên tay, rồi đề nổ xe máy chạy tẩu thoát, đồng thời không để chị O truy hô, S nói với chị O theo S đến hãng, rồi S nhanh chóng tăng ga tẩu thoát ra hướng đường L. Chị O lên xe truy đuổi theo S nhưng không kịp, còn C thấy S bỏ đi nên C cũng lấy xe chạy thoát.

Khoảng 15 phút sau, S điện thoại cho C, hẹn gặp nhau tại ngã tư Q – I. Tại đây, S đưa điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max, màu xanh, cho C và nói mới chiếm đoạt của chị O. Sau khi C bấm mật khẩu số “XXX” và mở máy điện thoại của chị O, C kiểm tra điện thoại thì thấy chị O có chụp số tài khoản và thông tin cá nhân của chị O trong máy điện thoại cùng số tiền 307.000.000 đồng trong internet banking nên C và S nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền. Sau đó, C thay đổi mã OTP của chị O thành mã OTP mới, C nói cho S biết là đã đổi được mã OTP, và trong tài khoản ngân hàng của chị O có số tiền 507.000.000 đồng. C và S thống nhất chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng. Để chuyển tiền từ tài khoản của chị O và không bị phát hiện, S điện thoại cho đối tượng Phạm H, xin số tài khoản của H để chuyển tiền tài khoản của chị O đến tài khoản H và nhờ H rU tiền giúp cho S. Sau đó, H gọi điện thoại cho Phạm Đ, xin số tài khoản, nhờ chuyển tiền dùm, thì Đ đồng ý, S, C thống nhất chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản của chị O S tài khoản của Phạm Đ. Sau đó, C và S đến nhà H lấy 75.000.000 đồng. Còn 25.000.000 đồng là tiền theo H nói là tiền công Đ và H rU tiền cho S. Còn chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max, C bán cho anh Lê L, tại tiệm cầm đồ N, số 1292 Đường T, phường T, quận T, với giá 25.500.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ 50 phút ngày 14/6/2022, S và C bị Công an quận P kiểm tra hành chính và đưa về trụ sở Công an phường T làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn S, Phạm C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. S cướp giật tài sản là chiếc điện thoại của chị O do S nảy sinh ý định và tự thực hiện, không bàn bạc với C, C không biết S giật điện thoại của chị O.

Tại bản kết luận định giá số 1315/KL-HĐĐGTS ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận P kết luận, thời điểm định giá ngày 13/6/2022: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max, màu xanh, 256 GB, trị giá 26.800.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, màu xanh, 256 GB, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị O

- Tiền Việt nam: 16.900.000 đồng. Đây là tiền còn lại của C thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của chị O có. Công an tạm giữ khi bị bắt C.

- Tiền Việt nam: 5.000.000 đồng. Đây là tiền C đưa cho Huỳnh N và N đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra.

- Tiền Việt nam: 5.100.000 đồng. Đây là tiền C đưa cho anh Đặng V chuộc điện thoại của C và anh Văn đã nộp Cơ quan điều tra.

- Số tiền 15.000.000 đồng. Đây là tiền S đưa cho Lê U và U đã nộp Cơ quan điều tra.

Tạm giữ của Nguyễn S:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy 910. Điện thoại của S dùng liên lạc cá nhân.

- 01 điện thoại di động Nokia 105. Bị can S dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số: XXXX-XXX.XX số khung: XXXXXX, số máy: XXXX.

- 01 áo thun ngắn tay, màu trắng; 01 quần Jean dài, màu xám; 01 nón bảo hiểm, màu xanh đậm, S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Tạm giữ của Phạm C:

- 01 điện thoại di động Samsung S21, màu đen. Bị can C dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 áo khoác dài tay, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, màu đen; 01 quần jean dài, màu xám; 01 nón bảo hiểm, màu đen, C mặc khi thực hiện phạm tội.

- 01 xe gắn máy hiệu AirBlade, màu cam-đen, biển số: XXX-XX.X, số máy: XXXXXX, số khung: XXXXXXX. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe gắn máy trên cho chị Nguyễn M.

- 01 đĩa ghi âm, ghi hình lời khai Nguyễn S và Phạm C (kèm hồ sơ vụ án);

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê O đã nhận tài sản là 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, màu xanh, 256 GB, không yêu cầu gì; đối với số tiền 103.000.000 đồng, gia đình C và S đã khắc phục hậu quả bồi thường cho chị O 36.000.000 đồng; số tiền còn lại chị O yêu cầu được nhận lại 42.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ khi thu giữ của C và S; ngoài ra không yêu cầu gì.

- Anh Lê L đã nhận tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSQ.TP ngày 13 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận P đã truy tố bị cáo Phạm C về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174; tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo điểm đ khoản 2 Điều 290; tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Nguyễn S về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174; tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo điểm đ khoản 2 Điều 290 và tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận P giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm đ khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 323 điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017); Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm C từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; từ 03 năm đến 04 năm tù về tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” và từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm đ khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 171; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn S từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; từ 03 năm đến 04 năm tù về tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” và từ 01 năm đến 02 năm về tội: “*Cướp giật tài sản*”.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề cập xử lý phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

- Các Bị cáo Phạm C, Nguyễn S đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Phạm C, Nguyễn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ để xác định: Nguyễn S và Phạm C là bạn bè quen biết nhau, do không có tiền tiêu xài nên S nảy sinh ý định rủ C đi dàn cảnh nói xe khách đi đường bị hỏng và giả vờ thay phụ tùng để chiếm đoạt tài sản, nên vào khoảng 11 giờ 10 phút ngày 13/6/2022, Nguyễn S và Phạm C cùng nhau thực hiện hành vi đưa ra thông tin giả, tạo sự tin tưởng để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 3.000.000 đồng của chị Lê O, tại trước số 02 C, phường T, quận P, thành phố H. Sau đó, Nguyễn S đã có hành vi dùng tay cướp giật 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, màu xanh, 256 GB, trị giá: 26.800.000 đồng của chị Lê O. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại di động của chị O thì S và C thống nhất mở mặt khóa máy điện thoại di động Iphone 13 Pro Max và đăng nhập vào tài khoản và thay đổi mã OTP của chị O và chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng trong tài khoản của chị O. Sau khi S cướp giật được điện thoại của chị O thì Phạm C đã đem điện thoại của chị O bán cho anh Lê L được 25.500.000 đồng.

Cáo trạng số 26/CT-VKSQ.TP ngày 13 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận P đã truy tố bị cáo Phạm C về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo

khoản 1 Điều 174; tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo điểm đ khoản 2 Điều 290; tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Truy tố bị cáo Nguyễn S về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174; tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo điểm đ khoản 2 Điều 290 và tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn vì giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công và câu kết chặt chẽ. Để có cơ sở lượng hình, Hội đồng xét xử phân tích vai trò tham gia của các bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

[3.1] *Đối với bị cáo Nguyễn S:* Bị cáo là người rủ rê lôi kéo bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã đi mua 02 cục xi nhan xe đưa cho C để tiếp cận người bị hại, đưa ra thông tin không đúng sự thật để thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng của chị O. Khi thấy chị O sử dụng điện thoại Iphone 13 Pro max lúc này S nảy sinh ý định chiếm đoạt, nên dùng tay trái giật điện thoại của chị O và nhanh chóng tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại của chị O bị cáo cùng với C xâm nhập bất hợp pháp vào tài khoản của chị O để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng chia nhau tiêu xài.

[3.2] *Đối với bị cáo Phạm C:* khi được S rủ đi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đồng ý ngay. Vai trò tham gia của bị cáo trong vụ án là tiếp cận những người phụ nữ đi đường, chạy xe tay ga mắc tiền, giả vờ đưa ra thông tin xe bị hư và thông báo cho đồng bọn đem phụ tùng xe đã chuẩn bị từ trước đến để thay thế và thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của chị O. Đối với hành vi cướp giật tài sản do bị cáo S tự phát và không bàn bạc với bị cáo hành vi cướp giật điện thoại của chị O nên Viện kiểm sát không truy tố bị cáo đồng phạm với S về hành vi cướp giật tài sản là phù hợp. Sau khi S chiếm đoạt được điện thoại di động của chị O chính bị cáo là người mở mật khẩu đăng nhập trái phép và tài khoản của chị O để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của chị O. Bị cáo biết rõ điện thoại của chị O là do S cướp giật được mà có nhưng vẫn mang đi tiêu thụ nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

[4] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị O; tài sản là 01 điện thoại di động Iphone 13, cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả đầy đủ cho người bị hại nên hành vi phạm tội của các bị cáo gây thiệt hại không lớn. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm b,s,h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là phù hợp pháp luật.

[6] - Đối với anh Lê L là người mua điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max của C. Do anh Long không biết điện thoại di động trên do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Đặng V, chị Huỳnh Thị N Yến, Lê U. Khi nhận tiền từ S và C, đều không biết tiền do S và C phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý là có căn cứ.

- Đối với Phạm Đ, HKTT: Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh N không biết số tiền 100.000.000 đồng là tiền do S, C phạm tội mà có và sau khi nhận số tiền trên Đ đã chuyển lại cho H nên Cơ quan điều tra không xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp.

- Đối với Phạm H, người nhờ Đ nhận chuyển tiền của S, C qua xác minh có hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh N, hiện H không có mặt tại địa phương đi đâu không rõ. Tiến hành lấy lời khai anh Phạm Đ (anh ruột của H) được biết H không có về nhà và hiện đang sống tại thành phố H và anh Đ cũng không có liên lạc với H nên không rõ địa chỉ H ở đâu. Đồng thời, anh Đ cũng không có hình ảnh gì của H. Cơ quan CSĐT Công an hiện chưa lấy lời khai được Phạm H nên chưa làm rõ được hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan CSĐT Công an quận P đã ra Quyết định tách nguồn tin về tội phạm để tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Phạm H để xử lý sau là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: chị Lê O đã nhận tài sản là 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, màu xanh, 256 GB, không yêu cầu gì; đối với số tiền 103.000.000 đồng, gia đình C và S đã khắc phục hậu quả bồi thường cho chị O 36.000.000 đồng; số tiền còn lại chị O yêu cầu được nhận lại 42.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ khi thu giữ của C và S; ngoài ra không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Anh Lê L đã nhận tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, màu xanh, 256 GB, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị O là phù hợp.

- Đối với số tiền Việt nam: 16.900.000 đồng. Đây là tiền còn lại của C thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của chị O có. Công an tạm giữ khi bị bắt C. Tuyên trả lại cho chị O.

- Đối với số tiền Việt nam: 5.000.000 đồng. Đây là tiền C đưa cho Huỳnh N và N đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra. Tuyên trả lại cho chị O

- Đối với số tiền Việt nam: 5.100.000 đồng. Đây là tiền C đưa cho anh Đặng V chuộc điện thoại của C và anh Văn đã nộp Cơ quan điều tra. Tuyên trả lại cho chị O.

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng. Đây là tiền S đưa cho Lê U và U đã nộp Cơ quan điều tra. Tuyên trả lại cho chị O.

Tạm giữ của Nguyễn S:

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy 910. Điện thoại của S dùng liên lạc cá nhân. Không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia 105. Bị cáo S dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số: XXXX-XXX.XX số khung: XXXXXX, số máy: XXXX. Theo kết luận giám định số 13074/KL-KTHS ngày 02/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H: số khung, số máy không thay đổi. Xác minh xe biển số: XXXX-XXX.XX, do anh Trần T, địa chỉ: Ấp H,

xã T, huyện D, tỉnh N, là chủ sở hữu. Anh Trần T cho biết xe máy trên anh Tuấn là người đứng tên dùm cho cậu là ông Đặng Q. Ông Q đã bán xe này cho một người tại huyện C (không rõ lai lịch) cách đây khoảng 10 năm. Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự quận P, thành phố H thông báo tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng, thời hạn 06 tháng, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 áo thun ngắn tay, màu trắng; 01 quần Jean dài, màu xám; 01 nón bảo hiểm, màu xanh đậm, S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Tạm giữ của Phạm C:

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung S21, màu đen. Bị cáo C dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 áo khoác dài tay, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, màu đen; 01 quần jean dài, màu xám; 01 nón bảo hiểm, màu đen, C mặc khi thực hiện phạm tội. Xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu AirBlade, màu cam-đen, biển số: XXX-XX.X, số máy: XXXXXX, số khung: XXXXXXXX. Theo kết luận giám định số 13075/KL-KTHS ngày 02/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H: số khung, số máy không thay đổi. Xác minh biển số XXX-XX.X, là do anh Trần N, HKTT: 119/16 L, phường T, quận S, là chủ sở hữu. Qua làm việc với anh N được biết vào ngày 12/12/2019, anh N đã bán xe gắn máy trên cho chị Nguyễn M, HKTT: 353/2/26 P, phường P, quận O (có hợp đồng ủy quyền). Làm việc với chị M được biết vào ngày 12/6/2022, Phạm C, thuê xe gắn máy hiệu AirBlade, màu cam-đen, biển số: XXX-XX.X, số máy: XXXXXX, số khung: XXXXXXXX, của chị M, với giá là 130.000 đồng/ngày, có hợp đồng thuê tài sản giữa chị M và C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe gắn máy trên cho chị Nguyễn M là phù hợp.

- Đối với 01 đĩa ghi âm, ghi hình lời khai Nguyễn S và Phạm C (kèm hồ sơ vụ án);

[9] *Án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: bị cáo Phạm C phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; tội: "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*" và tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Bị cáo Nguyễn S phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; tội: "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*" và tội: "*Cướp giật tài sản*".

[2] Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm đ khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 323; điểm b,h,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm C;

[3] Xử phạt: bị cáo Phạm C 01 (Một) năm tù về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

[3.1] Xử phạt: bị cáo Phạm C 03 (Ba) năm tù về tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”.

[3.2] Xử phạt: bị cáo Phạm C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

[4] Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Buộc bị cáo Phạm C phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là: 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 16/6/2022.

[5] Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm đ khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 171; điểm b,h,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn S;

[6] Xử phạt: bị cáo Nguyễn S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[6.1] Xử phạt: bị cáo Nguyễn S 03 (Ba) năm tù về tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”.

[6.2] Xử phạt: bị cáo Nguyễn S 02 (Hai) năm tù về tội: “*Cướp giật tài sản*”.

[7] Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Buộc bị cáo Nguyễn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là: 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 16/6/2022.

[8] Về xử lý vật chứng: áp dụng khóa 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả cho chị Lê O: 16.900.000 đồng là tiền còn lại của C thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của chị O có; 5.000.000 đồng là tiền C đưa cho Huỳnh N và N đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra; 5.100.000 đồng là tiền C đưa cho anh Đặng V chuộc điện thoại của C và anh Văn đã nộp Cơ quan điều tra; 15.000.000 đồng là tiền S đưa cho Lê U và U đã nộp Cơ quan điều tra.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn S: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy 910.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 105; 01 điện thoại di động Samsung S21, màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun ngắn tay, màu trắng; 01 quần Jean dài, màu xám; 01 nón bảo hiểm, màu xanh đậm; 01 áo khoác dài tay, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, màu đen; 01 quần jean dài, màu xám; 01 nón bảo hiểm, màu đen.

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận P, thành phố H thông báo tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng, thời hạn 06 tháng, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số: XXXX-XXX.XX số khung: XXXXXX, số máy: XXXX.

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 đĩa ghi âm, ghi hình lời khai Nguyễn S và Phạm C.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Phạm C, Nguyễn S. Mỗi bị cáo phải nộp: 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo Phạm C, Nguyễn S được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố H. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND Q. P;
- THADS quận P;
- Công an Q. P;
- Công an TP. H;
- Sở Tư pháp TP. H;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Thành